

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/KDTM-ST

Ngày 28/11 /2018

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V - PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hiền

Ông Nguyễn Huy Trụ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quang, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Phương Thảo, kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10 ngày 13/4/2018 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1919/2018/QĐST - KDTM ngày 31 tháng 10 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số: 498/2018/QĐST - HPT ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng N. Địa chỉ trụ sở: Tháp B, 35 H, quận K, TP. Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông T, chức vụ: tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: ông V, sinh năm 1978, trú tại: phố T, phường C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ theo quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số: 204A/QĐ - BIDV.HVU ngày 14 tháng 3 năm 2018. (Ông V có mặt)

* Bị đơn: Bà H, sinh năm 1980; địa chỉ: SN 04, tổ 9B, phố S, phường T, TP. V, tỉnh Phú Thọ và ông Q, sinh năm 1980, nơi ĐKKHKT: tổ 9B, phố S, phường T, TP. V, tỉnh Phú Thọ. Bà H và ông Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 12/7/2017, ông Q và bà H được Ngân hàng N cho vay vốn ngắn hạn để Bổ sung vốn lưu động kinh doanh cafe giải khát, thời hạn vay 11 tháng, số tiền vay 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn), số tiền giải ngân là 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn). Theo Hợp đồng tín dụng số: 03/2017/8842892/HĐTD ngày 12/7/2017. Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Q tại Phố S, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD788906 do Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì cấp ngày 01/8/2016. Theo Hợp đồng thế chấp số: 02/2016/8842892/HĐBĐ ngày 15/8/2016; Văn bản sửa đổi bổ sung số 02/2016/8842892/SĐBS ngày 15/8/2016. Khoản vay của hộ gia đình đến hạn lãi, khách hàng không trả được nợ Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn dư nợ của khách hàng. Ngân hàng đã đốc đốc gia đình nhiều lần kể cả bằng miệng, văn bản gia đình

không thiện chí cộng tác với Ngân hàng trong việc trả nợ Ngân hàng. Ngân hàng đề nghị Tòa Án thành phố V buộc ông Q và bà H trả nợ Ngân hàng số tiền đã vay nợ, cụ thể dư nợ đến ngày 28/11/2018: tiền gốc là 194.200.000đ, số tiền lãi: 18.112.219đ. Tổng cả gốc và lãi: 212.312.219đ.

- Bị đơn chị H trình bày: chị và anh Q có đề nghị vay vốn, nội dung đã thể hiện trong hợp đồng tín dụng. Hiện nay vợ chồng chị còn nợ ngân hàng tiền gốc và lãi phát sinh. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: CD 788906, hợp đồng thế chấp số: 02/2016/8842892/HĐBĐ ngày 15/8/2016; Văn bản sử đổi bổ sung số: 02/2016/8842892/SĐBS ngày 15/8/2016. Nay ngân hàng khởi kiện chị nhất trí trả nhưng sẽ trả dần theo từng tháng.

- Bị đơn: ông Q không đến Tòa án làm việc mặc dù đã được triệu tập nhiều lần.

Quá trình giải quyết vụ án, ngân hàng đã chi trả tiền do đặc, thẩm định tài sản. Ngày 2/7/2018, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu quan điểm về nội dung vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Đề nghị Tòa án xử: buộc ông Q, bà H phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi còn lại đến ngày 28/11/2018. Trong đó, tiền gốc còn lại là 194.200.000đ, số tiền lãi còn lại là: 18.112.219đ. Tổng cả gốc và lãi: 212.312.219đ. Về tài sản thế chấp: nếu ông Q, bà H không trả được thì phải đem tài sản đã thế chấp để đảm bảo trả nợ cho ngân hàng. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: ông Q, bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: ngân hàng N khởi kiện ông Q và bà H có địa chỉ tại tổ 9B, phố S, phường T, TP. V, tỉnh Phú Thọ. Quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố V theo quy định tại khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Q và bà H được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Q, bà H.

[2]. Về nội dung:

- Về hợp đồng tín dụng: việc cho vay tiền giữa ngân hàng N với ông Q, bà H theo Hợp đồng tín dụng số: 03/2017/8842892/HĐTD ký ngày 12/7/2017 do ngân hàng cung cấp cho Tòa án. Hợp đồng tín dụng này phù hợp với pháp luật nên là căn cứ để xác định trách nhiệm trả nợ của ông Q, bà H với ngân hàng.

- Về số tiền nợ gốc: Tại phiên tòa, đại diện của ngân hàng N đề nghị phía ông Q, bà H có trách nhiệm trả số tiền gốc còn lại của Hợp đồng tín dụng số: 03/2017/8842892/HĐTD ký ngày 12/7/2017 là: 194.200.000đ. Xét thấy, việc ông

Q, bà H có vay ngân hàng là thực tế, quá trình vay vốn, ông Q, bà H đã trả được một phần gốc. Đến ngày 28/11/2018, ông Q, bà H còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 194.200.000đ. Do vậy, cần buộc ông Q, bà H có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng N số tiền gốc còn lại là 194.200.000đ.

- *Về lãi suất*: Xét thấy, khoản tiền ngân hàng cho ông Q và bà H vay là vay có thời hạn và có lãi, hai bên thỏa thuận về lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số: 03/2017/8842892/HĐTD ký ngày 12/7/2017 và sự thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình vay vốn, ông Q và bà H đã trả một số tiền lãi. Tính đến ngày 28/11/2018 ông Q, bà H còn nợ lãi là 18.112.219đ. Do vậy, cần buộc bà H và ông Q phải trả cho ngân hàng số tiền lãi nêu trên là 18.112.219đ.

Tổng cộng: buộc ông Q và bà H có trách nhiệm trả cho ngân hàng N tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến hết ngày 28/11/2018 là 212.312.219đ.

Liên quan đến khoản vay theo hợp đồng tín dụng, ông Q và bà H đã thế chấp tài sản cho ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay tại hợp đồng tín dụng. Hội đồng xét xử nhận định, hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2016/8842892/HĐBĐ ngày 15/8/2016; Văn bản sửa đổi bổ sung số: 02/2016/8842892/SĐBS ngày 15/8/2016 đã giao kết giữa ngân hàng và bà H, ông Q là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, nếu ông Q, bà H không trả được khoản nợ trên thì phải đem tài sản đã thế chấp để đảm bảo trả nợ cho ngân hàng.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí: Vì yêu cầu khởi kiện của ngân hàng N được chấp nhận nên ông Q, bà H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp

- Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của ngân hàng N được Tòa án chấp nhận nên ông Q, bà H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Ngân hàng N nộp chi phí đo máy hết 3.500.000đ nên buộc ông Q, bà H nộp 3.500.000 đồng để thanh toán lại cho ngân hàng N theo quy định tại các Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Áp dụng: Khoản 16 Điều 4, Điều 90, 91, 95 luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 157, điều 158, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[2]. Về nội dung: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Q và bà H phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày 28/11/2018 là: 212.312.219đ (hai trăm mười hai triệu ba trăm mười hai nghìn hai trăm mười chín đồng). Trong đó: dư nợ gốc: 194.200.000đ (một trăm chín mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng, dư nợ lãi: 18.112.219đ (mười tám triệu một trăm mười hai nghìn hai trăm mười chín đồng).

Trong trường hợp ông Q, bà H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho ngân hàng N thì ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đã thế chấp ghi tại hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2016/8842892/HĐBD ngày 15/8/2016 và văn bản sửa đổi bổ sung số 02/2016/8842892/SĐBS ngày 15/8/2016 cụ thể là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Q tại Phố S, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD788906 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 01/8/2016 để đảm bảo việc trả nợ cho ngân hàng.

Kể từ ngày 29/11/2018, ông Q, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong trường hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

[3]. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí: Buộc ông Q, bà H phải chịu 10.615.610đ (mười triệu sáu trăm mười lăm nghìn sáu trăm mười đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004930 ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự TP. V.

- Về chi phí tố tụng: Ông Q, bà H phải nộp 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) để trả lại cho Ngân hàng N.

[4]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, TP
- Thi hành án
- Đương sự
- UBND phường T
- Lưu hồ sơ, án văn

**T/M. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Lê Anh Tuấn